

Từ ngữ lóng trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn

Trương Thị Mỹ Hậu^{1*}, Nguyễn Thị Ngọc Trinh²

¹Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

² Sinh viên khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, khóa 39, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 07/06/2020; Ngày nhận đăng: 20/07/2020

TÓM TẮT

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin cùng với mạng xã hội đã khiến cho ngôn ngữ biến đổi không ngừng trong đó có từ ngữ lóng. Nếu như trước đây, từ ngữ lóng chỉ tập trung ở một vài nhóm xã hội và thường có nghĩa xấu, thì ngày nay lớp từ ngữ này đã được nhiều người sử dụng hơn, đặc biệt là sinh viên. Bài viết này đề cập đến việc nghiên cứu các từ ngữ lóng được sử dụng trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn ở bình diện cấu tạo, mục đích và hiệu quả của việc sử dụng từ ngữ lóng.

Từ khóa: Từ ngữ lóng, diễn đàn trực tuyến, sinh viên, Trường Đại học Quy Nhơn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là nước có số lượng người sử dụng Internet lớn, khoảng 60% dân số, trong đó tỷ lệ người dùng Facebook tại Việt Nam gần tương đương với mức này (theo laodong.vn). Phần đông giới trẻ, đặc biệt là sinh viên là đối tượng tham gia các diễn đàn trực tuyến trên Facebook. Với bản tính nhanh nhạy, thích khám phá, sáng tạo nên lực lượng này luôn tiên phong trong các trào lưu xã hội, trong đó có ngôn ngữ. Từ ngữ lóng là đại diện cho ngôn ngữ của giới trẻ nói chung và của sinh viên nói riêng. Cách sử dụng từ ngữ lóng của họ đã tạo ra nhiều luồng dư luận khen chê trái chiều. Trong bài báo này, chúng tôi bước đầu tìm hiểu thực trạng và cách thức sử dụng từ ngữ lóng của sinh viên tại Trường Đại học Quy Nhơn (khảo sát 420 bài viết trên Confession trong 3 tháng cuối năm 2019).

2. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TỪ NGỮ LÓNG TRÊN DIỄN ĐÀN TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng từ ngữ lóng trên

diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn, chúng tôi đã khảo sát trực tuyến bằng ứng dụng Google Drive trên 400 sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn và nhận được kết quả sau:

Bảng 1. Thực trạng sinh viên ở Trường Đại học Quy Nhơn sử dụng từ ngữ lóng khi tham gia diễn đàn trực tuyến.

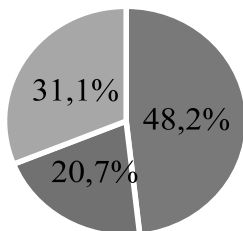
1	Có tham gia diễn đàn: 96%	Không tham gia diễn đàn: 4%
2	Sử dụng từ ngữ lóng khi tham gia diễn đàn: 82,5%	Không sử dụng từ ngữ lóng khi tham gia diễn đàn: 17,5%
3	Cảm thấy vui vẻ khi tiếp nhận từ ngữ lóng: 75,9%	Cảm thấy phân cảm, khó chịu khi tiếp nhận từ ngữ lóng: 24,1%
4	Ủng hộ sử dụng từ ngữ lóng của sinh viên: 83,2%	Không ủng hộ sử dụng từ ngữ lóng của sinh viên: 16,8%

*Tác giả liên hệ chính.

Email: truongthimyhau@qnu.edu.vn

Vấn đề thu hút được nhiều sự quan tâm của sinh viên trên diễn đàn là: sống thử, bạo lực học đường, tình dục trước hôn nhân, tâm sự tình yêu, kinh nghiệm thi cử, học tập, tệ nạn xã hội... Từ ngữ lóng được sử dụng ở tất cả các vấn đề này.

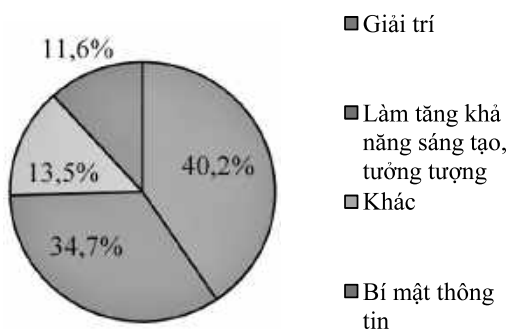
Biểu đồ 1. Biểu đồ mục đích của việc sử dụng từ ngữ lóng



- Thể hiện sự sáng tạo và vốn từ của bản thân
- Chứng tỏ khả năng cập nhật xu hướng
- Che giấu sự thật

Trước kia, từ ngữ lóng được sử dụng với mục đích chính là che giấu sự thật để mang hiệu quả bí mật thông tin.² Ngày nay lớp từ ngữ này được sử dụng với những mục đích khác: thể hiện sự sáng tạo và vốn từ của bản thân, chứng tỏ bản thân là một người luôn cập nhật hoặc đi đầu trong xu hướng ngôn ngữ và che giấu sự thật.

Biểu đồ 2. Biểu đồ hiệu quả của việc sử dụng từ ngữ lóng.

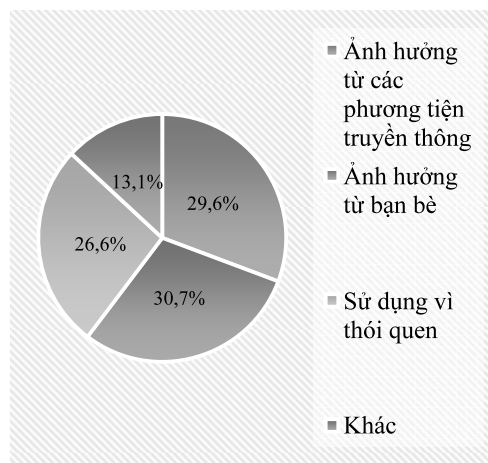


Hiệu quả lớn nhất của việc sử dụng từ ngữ lóng là giúp người dùng giải trí (40,2%), thứ hai là làm tăng khả năng sáng tạo, tưởng tượng của người dùng (34,7%), tiếp theo là hiệu quả giữ bí mật thông tin giữa một nhóm người dùng (11,6%). Ngoài ra, từ ngữ lóng còn đem lại hiệu quả khác như: muốn gây ấn tượng với người khác; tạo cảm giác thân thiết, vui vẻ khi giao

tiếp; đôi khi từ ngữ lóng còn được dùng để miệt thị, chê bai, công kích người khác.

Có ba nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng sử dụng từ ngữ lóng khá phổ biến trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn. Một là, do ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông. Hiện nay hầu hết các phim truyền hình trong nước, ngoài nước và các chương trình giải trí (gameshow) đều có sử dụng từ ngữ lóng. Sinh viên có thể chịu ảnh hưởng ngôn ngữ từ những nhân vật nổi tiếng, từ “thần tượng” của họ. Thứ hai, do ảnh hưởng từ bạn bè. Nếu tất cả bạn bè của mình đều biết và sử dụng tiếng lóng, còn mình không biết, không dùng thì sẽ rơi vào tình huống không tiếp cận được câu chuyện của các bạn, không hiểu mọi người đang bàn luận về vấn đề gì, họ sẽ cảm thấy lạc hậu, nặng hơn là cảm thấy bị cô lập. Do đó, hầu hết sinh viên đều sử dụng từ ngữ lóng như một công cụ tất yếu khi giao tiếp với bạn bè của họ. Thứ ba, sử dụng từ ngữ lóng vì thói quen.

Biểu đồ 3. Biểu đồ nguyên nhân sử dụng từ ngữ lóng của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn.



Đại học Quy Nhơn Confession hiện có 37.894 lượt thích và 40.487 lượt theo dõi (tính đến tháng 12/2019). Tham gia diễn đàn này rất dễ dàng, chỉ cần có tài khoản mạng xã hội Facebook thì đều có thể theo dõi, phản hồi các bài viết. Môi trường giao tiếp trên diễn đàn rất thoải mái, người gửi chủ đề lên Confession (CFS) sẽ được bảo mật thông tin. Các chủ đề

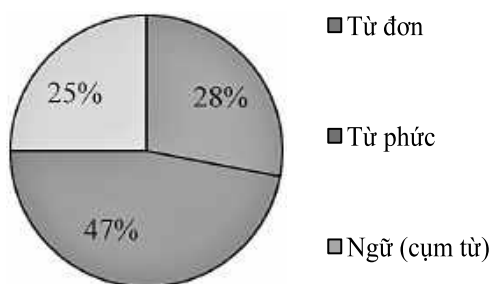
được thảo luận rất đa dạng. Những điều này đã tạo điều kiện cho việc sáng tạo, sử dụng từ ngữ lóng trên CFS. Lớp từ ngữ này giàu sắc thái biểu cảm và thú vị hơn các từ chính thống khi chia sẻ về những chuyện tế nhị, thầm kín. Sử dụng từ ngữ lóng sẽ tạo không khí vui vẻ, thân mật, cởi mở hơn giữa các thành viên. Ngoài ra, việc sử dụng tiếng lóng cũng là một cách gây ấn tượng, thể hiện khả năng sáng tạo và cập nhật xu hướng của bản thân, có thể làm nổi bật mình giữa một cộng đồng rất đông thành viên.

3. KIỂU TỪ VÀ TỪ LOẠI CỦA TỪ NGỮ LÓNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TRÊN DIỄN ĐÀN TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

3.1. Kiểu từ của từ ngữ lóng

Dựa vào kết quả khảo sát 420 bài viết trên Confession (từ CFS 9854 đến CFS 10274) trong 3 tháng cuối năm 2019, chúng tôi đã thống kê được 400 từ ngữ lóng được sử dụng trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn. Chúng tôi phân loại các từ ngữ này thành hai nhóm: từ (gồm từ đơn và từ phức) và ngữ.

Biểu đồ 4. Biểu đồ tỷ lệ cấu tạo từ ngữ lóng trên diễn đàn.



Ngữ (cụm từ) chiếm tỷ lệ 25% (74 từ ngữ lóng), từ đơn chiếm 28% (84 từ ngữ lóng là từ đơn), chiếm tỷ lệ lớn nhất là từ phức với 47% (142 từ ngữ lóng là từ phức).

Số lượng ngữ (cụm từ) lóng có khả năng biểu đạt cảm xúc cao tuy nhiên do cấu tạo từ nhiều thành tố nên không đáp ứng được nhu cầu tiện lợi, nhanh gọn khi tương tác trực tuyến.

Ngoài ra, dù là ngữ tự do hay ngữ cố định thì đều được tổ hợp bằng nhiều từ, số lượng từ ổn định, không thay đổi. Khi sử dụng ngữ lóng đòi hỏi người dùng phải có khả năng ghi nhớ trật tự từ và ý nghĩa cụ thể để sử dụng một cách hợp lý, đạt hiệu quả bí mật thông tin và giải trí cao. Chính vì thế ngữ chiếm tỷ lệ thấp nhất trên diễn đàn.

Ví dụ 1: từ lóng là một ngữ

Nghiep tụ vành môi: chỉ những người không kiểm soát được lời nói của mình. Chuyên dùng lời nói để đả kích, bêu xấu người khác.

Đập cho ra bã: bị đánh đập, bạo hành về thể xác hoặc tinh thần đến mức kiệt quệ.

Tăng kinh phí cho trường: nộp học phí học lại vì nợ môn.

Ví dụ 2: từ lóng là từ đơn

Cay: tức giận, oán hận người hoặc việc gì đó.

Hót: tự ca ngợi bản thân tài giỏi.

Đeo: chỉ người ẻo lả, điệu đà quá mức.

Ví dụ 3: từ lóng là từ phức

Phịch thủ: chỉ những người lấy danh nghĩa du lịch bụi để làm chuyện xấu xa với bạn đồng hành.

7 Nghề: thất nghiệp.

Cựu chiến binh: cựu sinh viên.

Họa mi: bộ phận sinh dục nam.

Tiền vong: chủ động kết thúc mối quan hệ với ai đó.

3.2. Từ loại của từ ngữ lóng

Hệ thống từ loại tiếng Việt bao gồm 9 từ loại, nhưng trong số 400 từ ngữ lóng được khảo sát không xuất hiện đầy đủ 9 từ loại, chỉ có: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ, phụ từ và thán từ.

Bảng 2. Từ loại các từ ngữ lóng trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Đại học Quy Nhơn

STT	Từ loại	Số lượng	Tỷ lệ
1	Danh từ	221	55,25%
2	Động từ	90	22,5%
3	Tính từ	70	17,5%
4	Đại từ	7	1,75%
5	Số từ	3	0,75%
6	Phụ từ	3	0,75%
7	Thán từ	6	1,5%
Tổng		400	100%

Ví dụ 4: từ lóng là danh từ

Chú tuần lộc: bị lừa dối, phụ bạc trong tình cảm.

Chợ tình: chỉ các bài viết tìm người yêu trên Đại học Quy Nhơn Confession.

Trình con: chỉ những sinh viên nữ được những người đàn ông giàu bao nuôi.

Thầy Huấn: những sinh viên có thói giang hồ thích dạy đời người khác.

Màu tím: những người thuộc thể giới thứ 3.

Ví dụ 5: từ lóng là động từ

Ấn: ám chỉ hành động quan hệ tình dục.

Phá bom: phá thai.

Rụng trứng: chỉ sự rụng trứng của phái nữ.

Ví dụ 6: từ lóng là tính từ

Tanh: thái độ đáng ghét.

Ngon: ngưỡng mộ ngoại hình ai đó.

Còn phen: quê mùa.

3.3. Hiện tượng chuyển loại của từ ngữ lóng

Theo Diệp Quang Ban, chuyển di từ loại - chuyển loại - là một hiện tượng một từ khi thì được dùng với ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của từ loại này, khi thì được dùng với ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của từ loại khác.¹

Khảo sát về từ ngữ lóng trên diễn đàn trực

tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn, chúng tôi nhận thấy hiện tượng chuyển loại diễn ra khá phổ biến. Trong số 400 từ ngữ lóng, có 102 từ ngữ lóng xuất hiện hiện tượng chuyển loại. Sự chuyển loại phổ biến nhất trên diễn đàn là chuyển từ danh từ sang động từ, chuyển từ danh từ sang tính từ và chuyển từ động từ sang tính từ.

Bảng 3. Thống kê sự chuyển loại của các từ ngữ lóng

Hướng chuyển loại	Số lượng	Tỷ lệ
Danh từ → Động từ	40	39,2%
Danh từ → Tính từ	35	34,3%
Động từ → Tính từ	27	26,5%
Tổng	102	100%

- Chuyển loại từ danh từ sang động từ: danh từ chỉ người hoặc vật được dùng để biểu thị hoạt động.

Ví dụ 7:

CFS_9861: “I’m bác *thợ săn* mài”.

Thợ săn (danh từ) người làm nghề săn bắn thú rừng và chim → (động từ) săn gài .

CFS_9875: “Ae rừ rê chơi bởi đập phá gì đó thì lão *chim cút* liền”.

Chim cút (danh từ) một loại chim nuôi để lấy thịt và trứng → (động từ) hành động rời đi, trốn tránh, từ chối sự lôi kéo rừ rê của bạn bè.

- Chuyển loại từ danh từ sang tính từ: danh từ chỉ người hoặc vật được dùng để chỉ tính chất đặc trưng của người hoặc vật đó. Đi kèm với danh từ thường có các từ chỉ mức độ: rất, lắm...

Ví dụ 8:

CFS_10098: “Nhưng mình *bánh bèo* lắm nhé, không phải tomboy đâu”.

Bánh bèo (danh từ) bánh làm bằng bột gạo tẻ xay ướt, đổ vào bát hoặc vào khuôn rồi hấp chín, trên rắc hành mỡ, ruốc tôm, hình giống cánh bèo → (tính từ) chỉ tính cách dịu dàng, thùy mị, điệu đà của con gái.

CFS_9007:

“Thể hiện cái gì không biết nữa, *củ chuối*”.

Củ chuối (danh từ) một bộ phận thân ngầm mọc dưới lòng đất của cây chuối, có thể dùng làm thức ăn cho người hoặc gia súc → (tính từ) ngớ ngẩn, khờ khạo.

- Chuyển loại từ động từ sang tính từ:

Ví dụ 9:

CFS_10198: “*Vã* lắm rồi!”.

Vã (động từ) 1. Vỗ nhẹ, đập nhẹ cho thấm ướt. 2. Toát ra, đổ ra nhiều mồ hôi → (tính từ) khó khăn thiếu thốn về vật chất lẫn tinh thần.

CFS_10127: “*Đeo khẩu trang* auto xinh”.

Đeo khẩu trang (động từ) chỉ hành động mang một lớp vải có lớp lót lên trên mặt để chống nắng và bụi bẩn → (tính từ) ngoại hình xấu.

4. PHƯƠNG THỨC TẠO TỪ NGỮ LÓNG TRÊN DIỄN ĐÀN TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Từ ngữ lóng trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn được cấu tạo từ các phương thức như: nói lái, đồng âm, vay mượn hoặc phiên âm tiếng nước ngoài và một số phương thức khác.³

Bảng 4. Thống kê phương thức cấu tạo từ ngữ lóng trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn

STT	Phương thức cấu tạo từ ngữ lóng	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nói lái	20	5%
2	Đồng âm	285	71,25%
3	Vay mượn - phiên âm tiếng nước ngoài	37	9,25%
4	Khác	58	14,5%
Tổng		400	100%

4.1. Nói lái

Nói lái là cách chơi chữ bằng cách đánh tráo phụ âm đầu, vần và thanh điệu để tạo nên một hiệu quả vui đùa, trào lộng.⁴ Cách nói lái được

các sinh viên sử dụng để tạo cảm giác thân thiết, không khí hài hước và làm cho ngôn ngữ trở nên thú vị, lạ hóa so với ngôn ngữ toàn dân.

Ví dụ 10:

Đạo dụ: chỉ những người tìm bạn cùng đi du lịch bụi với mục đích xấu là để giải quyết nhu cầu sinh lý.

CFS_15153: “*Phịch thủ, đạo dụ* ngày nay hơi bị nhiều. Cứ lên đây thả thính là biết chụp ảnh, có xe riêng là mấy em auto đồ”.

Chống lầy/ móng chuồn: chỉ những người nữ có tuổi muốn nhanh chóng tìm người yêu để kết hôn.

CFS_10019: “cần tìm người để chống lầy kiểm vốn”.

Nói lái thường được dùng khi nói về những vấn đề nhạy cảm, hay dùng để thể hiện thái độ cảm xúc tiêu cực với người khác. Các từ nói lái thường là những từ chửi tục, được viết lái đi để giảm bớt sự phản cảm (*một lần, vốn lái, xộn lộn, lộn xộn ngôn lù, cú có gai...*), được các thành viên dùng để công kích cá nhân khi tranh luận Confession.

Một số từ ngữ lóng được tạo lập từ phương thức nói lái như tên riêng: *Tiến dế, Bích đồng, Đạt phít...* Mục đích chọc ghẹo nhau, tạo không khí vui vẻ khi giao tiếp. Hay nói lái một số từ trong một câu, tạo ra cả cụm từ lóng có vần: *Đùng có sấu* (đầu có sùng), *lúc tuông trào* (lúc tao truông), *giỡn quá lố* (giỗ quá lớn).

Đặc điểm nói lái trong ngôn ngữ Việt phần lớn thường có khuynh hướng thiên về dung tục, ghi chép ở trong sách vở hay phát biểu giữa nơi công cộng thường không được tao nhã cho lắm, sử dụng phương thức nói lái trên diễn đàn có thể sẽ gây phản cảm. Chính vì thế các từ ngữ lóng được cấu tạo từ phương thức nói lái có số lượng rất ít.

4.2. Đồng âm

Đồng âm là hiện tượng đặc trưng cho các ngôn ngữ đơn tiết tính không biến hình. Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng khác nhau về nghĩa.⁵

Ví dụ 11:

Mây mưa (làm tình), *gấu* (người yêu), *máy bay* (phụ nữ có tuổi yêu các chàng trai trẻ), *phi công* (chàng trai trẻ tuổi yêu phụ nữ lớn tuổi hơn mình), *cái động* (phòng ở ký túc xá nữ), *lò sưởi* (người yêu), *tuần lộc*, *sùng* (bị người yêu phản bội, ngoại tình), *bài số* (bài viết có nội dung quá dài trên Confession), *phao* (tài liệu trong thi cử), *biểu tình* (loạt bài viết về vấn nạn thi cử trên Confession), *kỹ năng* (những mảnh khoe gian lận trong thi cử)...

CFS_9986: “Sao bây giờ ai cũng thích lái *máy bay* nhỉ?”.

“...em có muốn làm *phi công* của chị này không”.

CFS_9968: “Đâu phải *cái động*, muốn lúc nào đến cũng được đã vậy còn bô bô, thái độ lòi lõm. Em tính vô trường ở KTX mà tìm đọc mấy bài này thấy rung, rồi chưa nói đến các CF than thở về bạn cùng phòng, haizz”.

CFS_10213: “Chúc mừng bạn đã trúng thưởng, giải thưởng là một *cặp sùng* mạ canxi và điều khắc rất độc đáo. Xin vui lòng liên hệ ban tổ chức để nhận thưởng”.

CFS_9909: “Mong AD duyệt *bài số* của tiểu sinh”.

CFS_10273: “Văn hay chữ tốt không bằng *đưa đốt có phao*”.

CFS_8645: “Gia nhập CLB *kỹ năng* để cải thiện *kỹ năng* lật phao”.

CFS_10273: “Muốn đòi công bằng thì rủ nhau lên phòng công tác sinh viên, *biểu tình* trên đây làm gì cho trường bị mang tiếng”.

Hoặc sử dụng tên riêng của những người nổi tiếng, tên nghệ sĩ, tên nhân vật lịch sử, nhân vật trong các tác phẩm văn học nghệ thuật để tạo từ ngữ lóng. Tuy nhiên trường hợp này trên Confession ít xuất hiện.

Ví dụ 12:

CFS_10147: “Khôn như *cậu vàng*”: khôn lỏi.

CFS_10181: “Dáng vẻ thanh cao, đậm

chất quý's tộc's của nữ sinh trường ĐH khiến ngay cả *Selena Gomez* nhìn thấy cũng phải đem lòng ghen tị”: ngoại hình vô cùng xinh đẹp.

Ngoài ra đó còn có từ ngữ lóng đồng âm Việt - Anh, tuy nhiên số lượng được sử dụng trên diễn đàn rất hiếm.

Tạo từ ngữ lóng bằng phương thức đồng âm để tránh nói về những vấn đề tế nhị: *ba con sói* (bao cao su), *tự xử* (tự sướng)...

Bằng cách sử dụng ngay các đơn vị từ vựng vốn có của tiếng Việt và cấp cho chúng thêm một nghĩa mới, khác với nghĩa gốc (nghĩa lóng), đồng âm trở thành phương thức cấu tạo từ ngữ lóng chủ đạo. Bên cạnh đó, nhiều từ ngữ lóng được cấu tạo từ việc vay mượn từ nước ngoài, sau đó Việt hóa cách đọc (cách viết) hoặc ghép với từ thuần Việt.

4.3. Vay mượn - phiên âm tiếng nước ngoài

Vay mượn từ vựng là một phương thức phổ biến để bổ sung vốn từ trong các ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Song, không phải ai cũng giỏi tiếng nước ngoài nên việc phiên âm mang lại sự thuận tiện trong việc đọc các thứ tiếng này. Hiện nay, giới trẻ nói chung và sinh viên nói riêng đều có một mức độ hiểu biết về ngoại ngữ nhất định thì việc sử dụng tiếng nước ngoài khi giao tiếp đã trở nên phổ biến. Nhiều sinh viên đã vay mượn từ nước ngoài, sau đó phiên âm để tạo từ ngữ lóng như một cách thể hiện vốn hiểu biết của bản thân.

Ví dụ 13:

Tuesday: người thứ ba chuyên xen vào phá hoại tình cảm người khác.

Chill: đi chơi, thoải mái tâm hồn, tận hưởng cuộc sống.

Drama: những câu chuyện giật gân, gây sốc của sinh viên.

Định lý Pi-ta-gó: chép bài của bạn trong thi cử.

Hệ quả Ta-liét: nhìn trộm bài bạn trong thi cử.

Kéo ranh (rank): được bạn giỏi hơn cho chép bài nên cũng được điểm cao.

Thế hệ bê-lê-rô: thế hệ của phụ huynh sinh viên.

Thế hệ vê-pốp (V-pop): thế hệ 8X, các cựu sinh viên đã tốt nghiệp.

Thế hệ ca-pốp (K-pop): thế hệ 9X, 2000, đang là sinh viên của trường.

4.4. Một số phương thức khác tạo từ ngữ lóng trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn

Ngoài ba phương thức nêu trên thì từ ngữ lóng trên diễn đàn trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn còn được cấu tạo từ phương thức khác. Đây là phương thức tạo từ tự do, kết hợp các từ ngữ với nhau không theo một quy luật nhất định nào, có thể là rút gọn, viết tắt các từ ngữ sẵn có trong tiếng Việt, cải biên các thành ngữ tục ngữ, tạo ra thành ngữ hiện đại như là một phương tiện lóng. Các kết cấu kiểu này chỉ đáp ứng nhu cầu nói năng sành điệu khi tham gia giao tiếp, ít có giá trị ngữ nghĩa, dễ bị rơi vào quên lãng. Phương thức này chỉ có tác dụng làm cho câu nói trở nên có vần, lạ hóa và thú vị hơn.

Ví dụ 14:

Dũa lại nhân cách: phê phán những người hành xử kém văn minh trên diễn đàn.

CFS_10128: “nhân cách như giẻ rách. Chán hết muốn nói. *Dũa lại nhân cách* đeee”.

CFS_9902: “*Chuột chạy cùng sào mới vào sự phạm*”: chỉ những sinh viên theo ngành sự phạm vì bắt buộc dĩ chứ không yêu nghề.

Anh hùng bàn phím: chỉ những người dùng ngôn ngữ để bênh vực hay công kích một ai đó, một hiện tượng nào đó trên mạng xã hội.

Xin hãy tôn trọng hàm răng của mình: đe dọa sẽ đánh gãy răng những người tung tin đồn nhảm.

CFS_10128: “Xạo lol quen thói, *xin hãy tôn trọng hàm răng của mình* khi còn được nhai. Coi nay mai mất răng”.

Thể thao đấu kiếm: chỉ mối quan hệ đồng tính nam.

CFS_9855: “Mình không thích chụp ảnh,

nhưng mình thích chơi... đặc biệt là môn *thể thao đấu kiếm*.”

Tầng 4 Nguyễn Thị Định: chỉ những sinh viên tham gia vào các công ty đa cấp.

CFS_10117: “Tham gia đa cấp hay gì bạn, *tầng 4 Nguyễn Thị Định* hả?”.

“Cái dòng mà nói không rớt một chữ chỉ có thể là *tầng 4 bên NTĐ*”.

5. KẾT LUẬN

Từ ngữ lóng là một hiện tượng thú vị và ngày càng được giới trẻ sử dụng phổ biến, nhất là sinh viên. Họ sử dụng từ ngữ lóng nhằm thể hiện khả năng cập nhật ngôn ngữ và xu hướng hiện đại của bản thân, và nhằm đạt hiệu quả giải trí. Để có thể hiểu và sử dụng từ ngữ lóng một cách chính xác, phù hợp, sinh viên phải liên tục cập nhật các vấn đề trong đời sống xã hội. Ngoài ra, sinh viên phải phát huy tối đa khả năng liên tưởng và phải liên tục trau dồi vốn ngôn ngữ để có thể hiểu và sáng tạo ra các từ ngữ lóng theo các phương thức nhất định (nói lái, đồng âm, vay mượn - phiên âm tiếng nước ngoài hay phương thức cải biên thành ngữ, tục ngữ).

Tuy nhiên, việc lạm dụng từ ngữ lóng trong các bài viết trên diễn đàn trực tuyến đôi khi làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Vì thế, khi sử dụng hay sáng tạo từ ngữ lóng, người dùng cần nắm được những đặc điểm cơ bản về ngữ pháp và ngữ nghĩa của tiếng Việt để phát huy tối đa những hiệu ứng tích cực của từ ngữ lóng mà vẫn giữ gìn được sự trong sáng của tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung, *Ngữ pháp tiếng Việt tập 1*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2010.
2. Đỗ Hữu Châu. *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996.
3. Nguyễn Văn Khang. *Tiếng lóng Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, 2001.
4. Đinh Trọng Lạc (Chủ biên). *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2008.
5. Nguyễn Hữu Quỳnh. *Từ điển từ đồng âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2010.

CONTENTS

1.	Phonograms in English songs for children Nguyen Thi Ngoc Huong, Bui Nguyen Phuong Thao	6
2.	A study on syntactic features of linguistic means expressing modality in English-medium research articles Nguyen Thi Dieu Minh	16
3.	Appreciation in English and Vietnamese News Reports towards Plastic Straws Nguyen Thi Thu Hien, Tong My Linh	30
4.	A study of consumer buying behavior for natural cosmetic products - Case study in An Giang province Nguyen Kim Thoa, Ho Ngoc Thanh Tam, Vu Thi Anh Ngoc, Le Thi Hong Phuong, Nguyen Minh Ky	39
5.	Research the bank - specific factors affecting the profitability of joint-stock commercial bank in Vietnam Le Vu Tuong Vy, Huynh Nam, Bui Thi Hien Luong	51
6.	Factors affecting the decision of choosing university: the case study at Quy Nhon University Phan Thi Quoc Huong, Nguyen Hoang Phuc	67
7.	More discuss about the causes of the Ho dynasty defeat in the resistance against the Ming army aggression (1406 - 1407) Nguyen Doan Thuan, Nguyen Van Thang	83
8.	“Consultation” and “petition” activities on the economy and finance of The House of Commons in Annam in the years 1930 - 1945 Nguyen Van Phuong	91
9.	Vietnam’s bravery in relation with China in contemporary times Hoang Phuong Thuy	103

10. Changes in morphological and physical fitness of male freshman of Department of Physical and National Defence Education after one year study in Quy Nhon University
Ho Ngoc Cuong, Nguyen Ngoc Son, Le Minh Tu..... 113
11. Slang expressions by Quy Nhon University students on online forums
Truong Thi My Hau, Nguyen Thi Ngoc Trinh 119